

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo (Tiếng Việt): **Tiếng Trung thương mại**
- Tên chuyên ngành đào tạo (Tiếng Anh): **Chinese Business**
- Trình độ đào tạo: Đại học

2. Mục tiêu của chương trình:

2.1 Mục tiêu chung :

Đào tạo cử nhân chuyên ngành tiếng Trung thương mại, ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản trị kinh doanh; có khả năng chuyển tải kiến thức thành kỹ năng nghề nghiệp quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức về Tiếng Trung thương mại để từ đó sử dụng trong giao tiếp kinh doanh, trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh; có thể làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức kinh tế- xã hội có sử dụng tiếng Trung.

2.2 Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Tiếng Trung thương mại hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt
- Đảm bảo nắm được các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức về tiếng Trung thương mại và sử dụng được kiến thức này để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh
- Có các kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong hoạt động kinh doanh
- Có khả năng làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức kinh tế- xã hội có sử dụng tiếng Trung

3. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức sau:



- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn phù hợp với trình độ đại học của khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh (PLO 1)

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức mang tính nguyên lý cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh gồm: kiến thức căn bản về kinh tế học; kiến thức mang tính nguyên lý và nền tảng về quản trị trong doanh nghiệp (PLO 2)

- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Tiếng Trung Thương Mại (PLO3)

- Hiểu được các kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý- Kinh doanh. (PLO 4)

4. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng thực hành cơ bản của chuyên ngành Tiếng Trung Thương Mại gồm:

- Kỹ năng đọc hiểu, trao đổi, biên dịch và phiên dịch các tài liệu về kinh tế và quản trị kinh doanh bằng tiếng Trung(PLO5)

- Kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp (PLO 6)

- Kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp (PLO7)

- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm (PLO 8)

- Kỹ năng tin học : đáp ứng chuẩn đầu ra về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quyết định 634-QĐ/ĐHTM ban hành ngày 26/9/2017 (PLO 9)

- Kỹ năng ngoại ngữ: đáp ứng chuẩn đầu ra về Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo quyết định 835-QĐ/ĐHTM ban hành ngày 19/7/2018 (PLO 10)

5. Yêu cầu về thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các chuẩn về thái độ như sau:

- Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước(PLO 11)

- Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân (PLO 12)

- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực (PLO 13)

6. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức (PLO 14)

- Năng lực tìm ý tưởng kinh doanh và triển khai tổ chức hoạt động kinh doanh (PLO 15)

- Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội (PLO 16)

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Tiếng Trung Thương Mại của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại bộ phận, doanh nghiệp như sau:

7.1. Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp

- Bộ phận hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có sử dụng tiếng Trung
- Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh
- Bộ phận quản trị nhân lực
- Bộ phận quản trị bán hàng
- Bộ phận quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại
- Các bộ phận thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (Marketing, quản trị tài chính, quản trị rủi ro ... ở các doanh nghiệp)

7.2. Các loại hình và tổ chức doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp

- Các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ
- Các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, quản lý thị trường và thương mại ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học
- Các văn phòng đại diện hoặc cơ quan chính phủ có sử dụng Tiếng Trung
- Các tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác

9. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đầu ra đã tham khảo

9.1. Trong nước

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng
- Chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Trung Thương Mại - Đại học Ngoại Thương
- Bộ chuẩn đầu ra ngành quản trị kinh doanh của Trường Đại học kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-KTQD ngày 3/1/2017 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Bộ chuẩn đầu ra ngành quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

9.2. Ngoài nước

- Chương trình đào tạo cử nhân QTKD, Đại học Latrobe (Úc);
- Bộ chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Đại học Elmira, USA
- Chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Trung Thương Mại, ngành ngôn ngữ Hán của Đại học Hạ Môn, Trung Quốc
- Chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Trung Thương mại, ngành văn học ngôn ngữ Hán của Đại học Công thương Triết Giang, Trung Quốc

Chuẩn đầu ra đã được thông qua Hội đồng khoa ngày tháng năm 2019



GS.TS. Đinh Văn Sơn

CHỦ TỊCH HĐ KHOA

Quảng

PGS. TS. *Liên Kiều Trang*



Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Tên chương trình đào tạo: Tiếng Trung Thương Mại

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh Mã số: 7340101

Chuyên ngành đào tạo: Tiếng Trung thương mại

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung :

Đào tạo cử nhân chuyên ngành tiếng Trung thương mại, ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội, quản trị kinh doanh; có khả năng chuyển tải kiến thức thành kỹ năng nghề nghiệp quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức về Tiếng Trung thương mại để từ đó sử dụng trong giao tiếp kinh doanh, trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh; có thể làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức kinh tế- xã hội có sử dụng tiếng Trung.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Tiếng Trung thương mại hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt
- Đảm bảo nắm được các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức về tiếng Trung thương mại và sử dụng được kiến thức này để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh doanh
- Có các kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong hoạt động kinh doanh



- Có khả năng làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức kinh tế- xã hội có sử dụng tiếng Trung

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức sau:

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn phù hợp với trình độ đại học của khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh (PLO 1)

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức mang tính nguyên lý cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh gồm: kiến thức căn bản về kinh tế học; kiến thức mang tính nguyên lý và nền tảng về quản trị trong doanh nghiệp (PLO 2)

- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Tiếng Trung Thương Mại (PLO3)

- Hiểu được các kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế-Quản lý- Kinh doanh. (PLO 4)

2.2. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng thực hành cơ bản của chuyên ngành Tiếng Trung Thương Mại gồm:

- Kỹ năng đọc hiểu, trao đổi, biên dịch và phiên dịch các tài liệu về kinh tế và quản trị kinh doanh bằng tiếng Trung(PLO 5)

- Kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp (PLO 6)

- Kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp (PLO7)

- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm (PLO 8)

- Kỹ năng tin học: đáp ứng chuẩn đầu ra về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quyết định 634 - QĐ/ĐHTM ban hành ngày 26/9/2017(PLO 9)

- Kỹ năng ngoại ngữ: đáp ứng chuẩn đầu ra về Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo quyết định 979 - QĐ/ĐHTM ban hành ngày 19/7/2018 (PLO 10)

2.3. Thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các chuẩn về thái độ như sau:

- Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước (PLO 11)

- Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân (PLO 12)

- Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực (PLO 13)

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

131 tín chỉ, trong đó gồm: 120 tín chỉ đào tạo kiến thức và kỹ năng.

11 tín chỉ giáo dục thể chất và quốc phòng;

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương, tuyển sinh theo các tổ hợp A, A1, D1, D4

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của từng học kỳ và đăng ký học tập theo tài khoản cá nhân. Sinh viên có thể học theo tiến độ chuẩn (4 năm), hoặc theo tiến độ nhanh (3.5 năm) hoặc kéo dài tối đa không quá 7 năm tùy thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện học tập, khả năng học tập của mỗi người.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp: Tích lũy đủ 120 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo gồm 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn, hoàn thành 11 TC chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

6. Phương thức đánh giá

Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình đào tạo: 131 tín chỉ

7.1. Khung chương trình đào tạo

1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	Cơ cấu TC
1.1.	Các học phần bắt buộc	27	
1	Triết học Mác- Lênin	3	36.9
2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	24.6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24.6
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24.6
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24.6
6	Pháp luật đại cương	2	24.6
7	Tiếng Anh 1	2	24.6

8	Tiếng Anh 2	2	24.6
9	Tiếng Anh 3	2	24.6
10	Toán đại cương	3	36.9
11	Tin học quản lý	3	36.9
12	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	24.6
1.2.	Các học phần tự chọn	2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>		
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24.6
2	Xã hội học đại cương *	2	24.6
3	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	24.6
1.3.	Giáo dục thể chất	3	
1	Học phần bắt buộc	1	
2	Học phần tự chọn	2	
1.4	Giáo dục quốc phòng	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	29	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc	18	
1	Kinh tế học	3	36.9
2	Quản trị học	3	36.9
3	Tiếng Trung 1.1	2	24.6
4	Tiếng Trung 1.2	2	24.6
5	Tiếng Trung 1.3	2	24.6
6	Tiếng Trung 1.4	2	24.6
7	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24.6
8	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24.6
2.1.2.	Các học phần tự chọn	11	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>		
1	Ngữ pháp học Tiếng Trung Quốc	3	36.9
2	Ngữ âm văn tự Tiếng Trung Quốc	3	36.9
3	Văn hoá và nghi thức Thương mại Trung Quốc	3	36.9
4	Hành vi khách hàng	3	36.9
5	Marketing căn bản	3	36.9

6	Nhập môn tài chính tiền tệ	3	36.9
7	Khởi sự kinh doanh	2	24.6
8	Quản trị hành chính văn phòng	2	24.6
9	Tâm lý quản trị kinh doanh	2	24.6
10	Kinh tế thương mại đại cương	2	24.6
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	40	
2.2.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>29</i>	
1	Quản trị nhân lực căn bản	3	36.9
2	Quản trị chiến lược	3	36.9
3	Quản trị bán hàng	3	36.9
4	Quản trị rủi ro	2	24.6
5	Quản trị nhóm làm việc	2	24.6
6	Tiếng Trung Thương mại 1.1	2	24.6
7	Tiếng Trung Thương mại 1.2	2	24.6
8	Tiếng Trung Thương mại 1.3	2	24.6
9	Tiếng Trung Thương mại 1.4	2	24.6
10	Tiếng Trung Thương mại 1.5	2	24.6
11	Tiếng Trung Thương mại 1.6	2	24.6
12	Tiếng Trung Thương mại 1.7	2	24.6
13	Tiếng Trung Thương mại 1.8	2	24.6
2.2.2.	<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>11</i>	
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>		
1	Quản trị công ty	3	36.9
2	Hệ thống thông tin quản lý	3	36.9
3	Quản trị dự án	3	36.9
4	Luật kinh tế 1	3	36.9
5	Biên dịch và phiên dịch Tiếng Trung	3	36.9
6	Quản trị sản xuất	3	36.9
7	Văn hoá kinh doanh	2	24.6
8	Tuyển dụng nhân lực	2	24.6
9	Tiếng Trung giao tiếp	2	24.6
2.3.	Kiến thức bổ trợ	12	

2.3.1.	<i>Các học phần bắt buộc</i>	6	
1	Kinh doanh quốc tế	3	36.9
2	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	36.9
2.3.2.	<i>Các học phần tự chọn</i>	6	
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>		
1	Thị trường chứng khoán	3	36.9
2	Thương mại điện tử căn bản	3	36.9
3	Quản trị tài chính I	3	36.9
4	Quản trị marketing I	3	36.9
5	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	36.9
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	

Tổng số TC tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 TC; trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp.

*(Các học phần đánh dấu * là các học phần giảng dạy bằng tiếng Trung)*

7.2. Mô tả các học phần:

(1) Học phần: Tiếng Trung 1.1 (Chinese 1.1)

Học phần Tiếng Trung 1.1 là học phần đầu tiên trong các học phần tiếng Trung. Học phần được giảng dạy theo giáo trình Hán ngữ “汉语教程”- Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh do Dương Ký Châu biên soạn. Học phần gồm 8 bài sẽ trang bị cho người học cách phát âm, cách viết phiên âm tiếng Trung, các kiến thức cơ bản về cách viết chữ Trung Quốc, các nét và bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung, một lượng từ vựng và kiến thức ngữ pháp cơ bản để người học có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong sinh hoạt, học tập như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu, mua bán. Ngoài ra học phần còn có phần chú thích giải thích các hiện tượng ngôn ngữ văn hóa đáng chú ý và phần bài tập giúp người học củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng của từng bài.

(2) Học phần: Tiếng Trung 1.2 (Chinese 1.2)

Học phần Tiếng Trung 1.2 là học phần tiếp nối của học phần *Tiếng Trung 1.1*, Học phần gồm 8 bài với kết cấu bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, bài tập. Lượng từ vựng cung cấp cho mỗi bài phong phú hơn, bài khóa đề cập đến chủ đề tương đối khó; các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện từ dễ đến khó như đối mua bán, đối tiền, tình hình học tập, giới thiệu công việc. Ngoài ra người học được trang bị thêm một số kiến thức văn

hóa trong phần chú giải. Phần bài tập tăng thêm nội dung bổ trợ cho phần ngữ pháp và luyện tập giao tiếp.

(3) Học phần: Tiếng Trung 1.3 (Chinese 1.3)

Học phần *Tiếng Trung 1.3* tiếp nối học phần *Tiếng Trung 1.2*, gồm 7 bài. Bài khóa có thể ở dạng hội thoại hoặc đoạn văn, cung cấp lượng từ vựng phong phú, lượng ngữ pháp về cụm từ, mẫu câu khó nhằm biểu đạt các chủ điểm như kế hoạch cá nhân, cuộc sống sinh viên, môi trường làm việc. Bài đọc phụ đề cập đến các chủ đề nhất quán với bài khóa chính nhưng độc lập về mặt nội dung, tiếp tục giúp người học biểu đạt sâu hơn phong phú hơn các chủ đề trên. Bài tập phong phú củng cố thêm cho người học các kiến thức ngữ pháp và từ vựng mỗi bài.

(4) Học phần: Tiếng Trung 1.4 (Chinese 1.4)

Học phần *Tiếng Trung 1.4* là học phần cuối cùng của khối học phần tiếng trung cơ bản trong chương trình giảng dạy. Học phần gồm 7 bài, kết cấu mỗi bài giống như ở học phần *Tiếng Trung 1.3*, phần từ mới cung cấp một lượng lớn từ vựng liên quan đến các chủ điểm cá nhân, nguyện vọng ước muốn, công việc tương lai ; phần ngữ pháp tiếp tục cung cấp các hiện tượng ngữ pháp phức tạp, quan trọng về cụm từ, câu, các cách biểu đạt đặc biệt ; bài đọc phụ liên quan nhất quán với bài khóa chính về mặt chủ đề nhưng độc lập về mặt nội dung, nội hàm văn hóa của các bài này sâu hơn; bài tập phong phú hơn về dạng bài, chú trọng đến việc củng cố tất cả kỹ năng nghe nói đọc viết.

(5) Học phần: Tiếng Trung thương mại 1.1 (Business Chinese 1.1)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 1.1* là học phần đầu tiên trong nhóm các học phần về tiếng trung thương mại. Học phần gồm 4 chương, mỗi chương đề cập đến một chủ đề trong giao dịch thương mại, cung cấp cho người học từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để người học bước đầu có thể tiến hành giao tiếp các chủ đề đơn giản trong lĩnh vực thương mại như : làm quen với đất nước Trung Quốc, đặt phòng khách sạn, dịch vụ khách sạn, gặp gỡ và giới thiệu sơ lược về công ty, sắp xếp lịch trình.

(6) Học phần: Tiếng Trung thương mại 1.2 (Business Chinese 1.2)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 1.2* là học phần nối tiếp học phần *Tiếng Trung thương mại 1.1*. Học phần tiếp tục cung cấp cho người học các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến lĩnh vực thương mại. Nền tảng này giúp người học có thể tiến hành giao tiếp một cách chủ động trong các tình huống thương mại như : bước đầu đàm phán thương mại, khảo sát tham quan , đàm phán giá cả, giao hàng và thanh toán.

(7) Học phần: Tiếng Trung thương mại 1.3 (Business Chinese 1.3)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 1.3* là học phần nối tiếp học phần *Tiếng Trung thương mại 1.2*. Học phần tiếp tục cung cấp cho người học các kiến thức về từ vựng, ngữ

pháp liên quan đến lĩnh vực thương mại. Nền tảng này giúp người học có thể tiến hành giao tiếp một cách chủ động trong các tình huống thương mại như : đại lý tiêu thụ, quảng cáo khuyến mại, hội chợ triển lãm.

(8) Học phần: Tiếng Trung thương mại 1.4 (Business Chinese 1.4)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 4*, là học phần bắt đầu cho giai đoạn học chuyên sâu tiếng Trung thương mại. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ nâng cao về chủ đề tìm đối tác, thỏa thuận giá cả, đặt hàng, thống nhất thỏa thuận.

(9) Học phần: Tiếng Trung thương mại 1.5 (Business Chinese 1.5)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 1.5* trên cơ sở kế thừa nội dung của học phần *Tiếng Trung Thương Mại 1.4*, học phần này tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ ở mức độ nâng cao về phương thức thanh toán, đóng gói hàng hóa, bốc hàng và vận chuyển hàng hóa.

(10) Học phần: Tiếng Trung Thương Mại 1.6 (Business Chinese 1.6)

Học phần *Tiếng Trung thương mại 1.6* nối tiếp nội dung của các học phần *Tiếng Trung thương mại 1.5*, học phần này tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ ở mức độ nâng cao về hải quan, kiểm tra hàng hóa và bảo hiểm.

(11) Học phần Tiếng Trung Thương Mại 1.7 (Business Chinese 1.7)

Học phần *tiếng Trung thương mại 1.7* nối tiếp nội dung của các học phần *Tiếng Trung thương mại 1.6*, tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ nâng cao về chủ đề bồi thường, trọng tài và hòa giải.

(12) Học phần Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc (Chinese phonetics and Chinese characters)

Học phần *Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc* bao gồm hai phần chính: Phần thứ nhất là ngữ âm, giới thiệu các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Hán hiện đại, các khái niệm cơ bản về âm tiết, nguyên âm, phụ âm, thanh mẫu, vận mẫu, hệ thống các thanh điệu, các quy luật biến đổi thanh điệu trong tiếng Hán. Người học nắm được cách viết phiên âm Latinh, biết mô tả các âm, trên cơ sở đó có khả năng tự điều chỉnh phát âm. Phần thứ hai là văn tự, giới thiệu các kiến thức cơ bản về văn tự học tiếng Hán, các nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán. Đặc điểm cấu tạo chữ Hán và các hình thức cấu tạo chữ Hán. Chỉ rõ mối quan hệ giữa chữ viết, ngữ âm và ý nghĩa của chữ Hán. Chỉ ra và khắc phục một số lỗi người học thường mắc khi học chữ Hán.

(13) Học phần Văn hóa và nghi thức thương mại Trung Quốc (Chinese phonetics and Chinese characters)

Học phần *Văn hóa nghi thức thương mại Trung Quốc* được chia làm 7 chương. Mỗi chương cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về văn hóa, nghi thức, nghi lễ trong thương mại của Trung Quốc thông qua việc phân tích các tình huống thực tế. Cuối mỗi chương có các bài tập giải quyết tình huống trên cơ sở vận dụng kiến thức đã học, các bài tập thực hành biểu đạt thực hành các nghi thức xã giao một cách chuẩn mực và vận dụng vào trong thực tiễn.

(14) Học phần Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese phonetics and Chinese characters)

Học phần *Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc* là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần được chia thành các chuyên đề ngữ pháp cụ thể nhằm giới thiệu cho người học những khái luận chung về ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu giới thiệu về hệ thống từ loại, cụm từ, các thành phần câu, các kiểu câu đơn và câu ghép trong tiếng Trung Quốc. Trên cơ sở đã nắm vững các kiến thức ngữ pháp, học phần còn cung cấp các dạng bài tập theo chủ đề nhằm củng cố các kiến thức đã học.

(15) Học phần Biên dịch và Phiên dịch Tiếng Trung (Chinese Business translation)

Học phần *Biên dịch và phiên dịch Tiếng Trung* tiếp nối các học phần tiếng Trung thương mại. Trên cơ sở kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã tích lũy được từ các học phần tiếng Trung trước, học phần này góp phần phát huy kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ ở mức độ cao nhất - biên dịch. Học phần được xây dựng thành 2 phần. Phần 1 cung cấp cho người học những lí luận chung nhất về biên dịch cũng như một số phương pháp dịch Trung Việt, Việt Trung. Phần 2, người học được thực hành biên dịch Trung - Việt các chủ đề như kinh tế Trung Quốc, chính sách kinh tế thương mại của Trung Quốc, quan hệ thương mại song phương, đa phương, xuất nhập khẩu.

(16) Học phần tiếng Trung giao tiếp (Communicative Chinese)

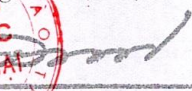
Học phần *Tiếng Trung giao tiếp* cung cấp cho người học vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp phong phú, trên cơ sở đó giúp người học phát triển được bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết để biểu đạt và giao tiếp một cách chủ động và tự tin các chủ đề như so sánh các sự vật hiện tượng, sở thích cá nhân, thời tiết và khí hậu, đi tham quan du lịch, quan điểm về hôn nhân gia đình, những trải nghiệm về văn hóa Trung Quốc giúp người học tiếp cận dần với các học phần tiếng Trung thương mại sau này.

Học phần gồm 5 bài, kết cấu mỗi bài gồm: phần từ mới cung cấp một lượng lớn từ vựng liên quan đến các chủ đề như: so sánh các sự vật hiện tượng, sở thích cá nhân, thời tiết và khí hậu, đi tham quan du lịch, quan điểm về hôn nhân gia đình, những trải nghiệm về văn hóa Trung Quốc; phần ngữ pháp tiếp tục cung cấp các hiện tượng ngữ pháp phức tạp, quan trọng về cụm từ, câu, các cách biểu đạt đặc biệt; bài đọc phụ liên

quan nhất quán với bài khóa chính về mặt chủ đề nhưng độc lập về mặt nội dung, nội hàm văn hóa của các bài này sâu hơn; bài tập phong phú hơn về dạng bài, chú trọng đến việc củng cố tất cả kỹ năng nghe nói đọc viết.

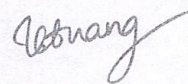
8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	17 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành	17
2	Kỳ II	5 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	16
3	Kỳ III	17 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành	17
4	Kỳ IV	16 tín chỉ cơ sở ngành	16
5	Kỳ V	17 tín chỉ cơ sở ngành và chuyên ngành	17
6	Kỳ VI	16 tín chỉ chuyên ngành	16
7	Kỳ VII	16 tín chỉ chuyên ngành	16
8	Kỳ VIII	16 tín chỉ chuyên ngành	16
		Tổng cộng	131

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

GS.TS. *Đinh Văn Sơn*

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS. *Trần Kiều Trang*